

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 493/2019/DS-ST

Ngày: 20/8/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tư vấn  
giới thiệu việc làm.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lý
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tư vấn giới thiệu việc làm”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Võ Anh T, sinh năm 1993

Thường trú: khu phố B, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Văn H, sinh năm 1997

Địa chỉ: Đường S, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**2. Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y

Trụ sở: Đường Đ, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Trần Thị Hoàng P, sinh năm 1989

Địa chỉ: Đường S, khu phố T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Nguyên đơn ông Nguyễn Võ Anh T trình bày:

Vào tháng 10/2016, ông T đăng ký xuất khẩu lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y (sau đây viết tắt là Công ty) do bà Trần Thị Hoàng P làm giám đốc theo Giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm ngày 07/10/2016, theo đó hai bên thỏa

thuận mức phí trọn gói 7000 USD (tương đương số tiền 154.000.000 đồng) để tư vấn, làm thủ tục sang Nhật làm việc và công ty có trách nhiệm hoàn lại tiền nếu không thực hiện thành công. Sau khi ký thỏa thuận, ông T đã giao đủ tiền cho Công ty. Đến tháng 11/2016, Công ty đưa ông T và một số người khác sang Nhật phỏng vấn, đồng thời cam kết sẽ hoàn thiện thủ tục sớm nhất để đưa sang Nhật làm việc chính thức. Tuy nhiên, đến tháng 4/2017, ông T nhận thấy có dấu hiệu lừa đảo nên đã tố cáo lên cơ quan công an. Sau quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an Thành phố Hồ Chí Minh thông báo không khởi tố vụ án với lý do Công ty đang tích cực trả lại tiền cho bị hại trong đó có ông T. Quá trình làm việc sau đó với Công ty, Công ty thống nhất trả lại cho ông T 154.000.000 đồng, trừ đi chi phí đưa sang Nhật 30.000.000 đồng, còn lại 124.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa trả tiền cho ông T như đã thỏa thuận. Nay ông T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm ngày 07/10/2016 ký giữa ông T và Công ty và buộc Công ty phải trả lại cho ông T số tiền 124.000.000 đồng ngay sau khi có bản án quyết định có hiệu lực.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y do bà Trần Thị Hoàng P là đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Võ Anh T do ông Võ Văn H làm đại diện xác định vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy bỏ giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm ký ngày 07/10/2016 giữa ông T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y; Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y trả lại cho ông T số tiền 124.000.000 đồng ngay sau khi có bản án quyết định có hiệu lực.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y do bà Trần Thị Hoàng P làm đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận tại hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Xét, ông Nguyễn Võ Anh T khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y về hợp đồng tư vấn giới thiệu việc làm. Bị đơn có trụ sở tại Đường Đ, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tư vấn giới thiệu việc làm, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y do bà Trần Thị Hoàng P làm đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y do bà Trần Thị Hoàng P làm đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Võ Anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm ngày 07/10/2016 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y và ông Nguyễn Võ Anh T và Thông báo kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố số 3410 ngày 28/8/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định Công ty không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đưa người Việt Nam đi lao động ở nước ngoài do chưa có giấy phép theo quy định nhưng lại cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm thành công cho ông T xuất khẩu lao động sang thị trường Nhật Bản với mức phí trọn gói 7000 USD (tương đương số tiền 154.000.000 đồng), thời gian thực hiện toàn bộ công việc trong vòng 06 tháng từ xin visa và chuyển đổi visa để người lao động ký hợp đồng trực tiếp với nhà máy. Đồng thời, căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013 và Điều 3, Điều 4 Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện các quy định về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam thì giao dịch giữa ông T và Công ty không cho phép thanh toán bằng ngoại hối. Như vậy, thỏa thuận trên giữa Công ty và ông T là trái với quy định của pháp luật.

Sau khi nhận đủ tiền của ông T, Công ty đã thực hiện một số công việc nhưng không thực hiện thành công nên hai bên đã thống nhất trừ đi một phần chi phí mua vé máy bay, làm thủ tục xin visa 30.000.000 đồng, Công ty sẽ chuyển trả cho ông T số tiền 124.000.000 đồng trong thời hạn 01 năm.

Căn cứ Điều 425, Điều 427, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, ông T yêu cầu hủy bỏ giấy cam kết trên và yêu cầu Công ty trả lại số tiền 124.000.000 đồng là có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty phải chịu án phí trên tổng số tiền phải trả cho ông T là 124.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 425, Điều 427, Điều 357, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2013;

- Căn cứ Điều 3, Điều 4 Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Võ Anh T.

1.1 Hủy Giấy cam kết tư vấn giới thiệu kết nối việc làm ngày 07/10/2016 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y và ông Nguyễn Võ Anh T.

1.2 Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải trả cho ông Nguyễn Võ Anh T số tiền là 124.000.000 (Một trăm hai mươi bốn triệu) đồng.

2. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y chậm trả tiền thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y phải chịu 6.200.000 (Sáu triệu hai trăm ngàn) đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Võ Anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.100.000 (Ba triệu một trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0022310 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Võ Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Phương Châu**